

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ - ST
Ngày 08-4-2024
“Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Xuyên.

2. Bà Phạm Thị Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D; địa chỉ cư trú: thôn N, xã T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N; địa chỉ cư trú: thôn N, xã T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn tại UBND xã T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh vào năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sống tại khu 1, phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh được khoảng 6 năm thì chuyển về sinh sống tại thôn N, xã T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều. Chị đã nhiều

lần phải trả nợ cho anh N và cố gắng vì con cái mà tự hoà giải với anh N nhưng anh N vẫn không thay đổi, vẫn chơi bời, cờ bạc, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Vợ chồng chị sống ly thân từ khoảng tháng 10 năm 2023 cho đến nay; khi ly thân chị cùng các con sinh sống ở nhà tại thôn N, xã T, thành phố U, còn anh N bỏ nhà đi đâu, làm gì chị không rõ, thỉnh thoảng anh N có điện thoại cho chị nói đang sống tại Hà Nội nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể ở đâu. dịp tết Nguyên đán vừa rồi anh N có về nhà và biết được chị đang khởi kiện ly hôn tại Toà án; tuy nhiên anh N nói rằng không đến Toà giải quyết. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: quá trình chung sống giữa chị và anh N có 02 con chung tên là Nguyễn Phạm Ngọc L, sinh ngày 24/8/2007 và Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 14/9/2012. Khi ly thân, hai con chung ở cùng với chị; nay ly hôn chị nhận nuôi cả hai con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng cho con.

Chị D trình bày, hiện nay chị đang dạy học tại Trường Mầm non Th, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, thu nhập trung bình khoảng 11 triệu đồng/ 1 tháng; ngoài ra chị còn làm thêm công việc bên ngoài, tổng thu nhập khoảng 15 đến 17 triệu đồng/ 1 tháng. Chị D cam đoan đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần lên Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh N không đến làm việc.**

* Tòa án tiến hành lấy lời khai của các con trên bảy tuổi của chị D và anh N là cháu Nguyễn Phạm Ngọc L và cháu Nguyễn Tuấn P. Khi được hỏi ý kiến, cháu L và cháu P đều trình bày: nếu bố mẹ ly hôn, các cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ vì mẹ quan tâm và chăm sóc các cháu tốt hơn.

* Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, ông Đào Hữu G – Trưởng thôn N, xã T, thành phố U cho biết: Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Văn N là vợ chồng, có đăng ký thường trú tại thôn N, xã T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống giữa chị D và anh N có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm được mà chỉ nghe thông tin của nhân dân sống xung quanh và một số bạn bè của anh N cho biết, anh N chơi bời, cờ bạc, nợ nần nhiều nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh N không sống tại nhà ở thôn N, xã T, thành phố U khoảng từ đầu tháng 10 năm 2023 cho đến nay; anh N hiện nay đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không nắm được, còn chị D hiện nay vẫn sinh sống tại nhà cùng hai con tại thôn N, xã T. Về con chung: giữa chị D và anh N có hai con chung tên là Nguyễn Phạm Ngọc L, sinh năm 2007 và Nguyễn Tuấn P, sinh năm 2012. Về tài sản chung và nợ chung của chị D và anh N: chính quyền địa phương không nắm được. Việc chị Phạm Thị D đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn N và được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành, quan điểm của chính quyền địa phương: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã không chấp hành và không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giải quyết cho chị Phạm Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn N; giao hai con chung tên là Nguyễn Phạm Ngọc L, sinh ngày 24/8/2007 và Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 14/9/2012 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; anh N không phải cấp dưỡng cho con; về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Phạm Thị D thì đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, anh Nguyễn Văn N có đăng ký thường trú tại thôn N, xã T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn, anh Nguyễn Văn N: tại Biên bản xác minh, ông Đinh Văn M – Cán bộ Công an xã T, thành phố U cho biết: trên Cổng thông tin dữ liệu quốc gia về dân cư thể hiện anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1982 có đăng ký thường trú tại thôn N, xã T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Anh N không tạm trú tại đâu. Như vậy, anh N hiện nay không tạm trú tại đâu, vắng mặt tại địa phương nên Tòa án đã không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng và tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn N theo khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Văn N tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa chị D và anh N có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều nên vợ chồng thường xảy ra cãi mắng, chửi bới, xúc phạm nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay, cả hai không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị D đề nghị Tòa án giải quyết

cho ly hôn với anh N vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc.

Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn giữa chị D và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị D được ly hôn anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung:

Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Văn N có hai con chung là cháu Nguyễn Phạm Ngọc L, sinh ngày 24/8/2007 và Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 14/9/2012. Nay ly hôn chị D nhận nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng cho con.

Xét thấy, kể từ khi vợ chồng sống ly thân, hai con chung ở cùng với chị D, được chị D chăm sóc chu đáo; mặt khác khi được hỏi ý kiến của các con chung trên bảy tuổi, cháu L và cháu P đều có nguyện vọng ở với chị D. Do đó, cần giao cho chị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi thành niên, anh N không phải cấp dưỡng cho con là phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. *Về con chung:* giao cho chị Phạm Thị D có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên là Nguyễn Phạm Ngọc L, sinh ngày 24/8/2007 và Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 14/9/2012, kể từ ngày xét xử (ngày 08/4/2024) cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Chị Phạm Thị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí:* Chị Phạm Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002548 ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Uông Bí;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH (UBND xã T, TP Uông Bí);
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Thịnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Thịnh